

THẾ KỶ X TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM: MỘT THỜI KÌ QUÁ ĐỘ VÀ ĐIỂN HÌNH

Lê Hiến Chương

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Trong lịch sử Việt Nam, thế kỷ X chứng kiến sự kết thúc của thời kì “Bắc thuộc” và mở đầu kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài của quốc gia - dân tộc. Quá trình này là kết quả của nhiều yếu tố đan xen, trong đó nổi bật là bối cảnh nhà Đường suy yếu, dẫn đến sự trỗi dậy của các vùng đất ngoại vi lệ thuộc, được dẫn dắt bởi tầng lớp lệnh tộc, hào trưởng bản địa. Trên cơ sở xem xét lại chuỗi sự kiện chính trị - quân sự, bài viết cố gắng phác thảo một bức tranh mới về thế kỷ X và vị trí của nó trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Khung chính của bức tranh là thời điểm mở đầu thời kì tự chủ và thời điểm kết thúc “Bắc thuộc”. Trong khung thời gian đó, bài viết nêu lên và phân tích những biểu hiện được cho là “quá độ”, “bản lẻ” của thế kỷ X. Ở một khía cạnh khác, việc soi chiếu kĩ những diễn tiến chính trị của giai đoạn này còn cho thấy lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XI đến giữa thế kỷ XIX là sự “giải nén” những yếu tố, đặc tính đã được định hình từ thế kỷ X.

Từ khóa: Thế kỷ X, Bắc thuộc, quá độ, độc lập.

1. Mở đầu

Từ đầu thế kỷ X, với quá trình suy yếu rồi sụp đổ của nhà Đường, người Việt ở Giao Châu từng bước tìm cách thoát khỏi vị trí là quận huyện của Trung Hoa cũng như sự quản lí trực tiếp của chính quyền phương Bắc, tiến tới xây dựng nền độc lập, tự chủ lâu dài. Công cuộc phục hưng quốc thống hoặc lập quốc này gắn liền với những thủ lĩnh, thế lực từ những dòng họ, địa phương khác nhau, trải qua nhiều sự kiện, biến động với những tính chất, ý nghĩa đã được giới sử học phân tích từ nhiều góc độ.

Những ghi chép về thế kỷ X trong lịch sử Việt Nam chủ yếu nằm trong *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* - hai bộ quốc sử được biên soạn bởi Quốc sử quán từ thời Lê Sơ đến thời Nguyễn. Dù chưa có ý niệm về sự phân kì lịch sử rõ ràng giữa thời kì “Bắc thuộc” và thời kì độc lập tự chủ lâu dài từ thế kỷ X, những sử quan của cả hai bộ sách đều lấy mốc năm 938 như niên điểm quan trọng nhất đánh dấu sự phục hồi của nền quốc thống. Quan điểm này tiếp tục ảnh hưởng nhiều đến nhận thức của giới sử học Việt Nam hiện đại về phân kì lịch sử dân tộc. Cũng xuất phát từ quan điểm đó và sự hạn chế của các nguồn sử liệu, hai bộ quốc sử nói trên chỉ chép khái lược những sự kiện thuộc thế kỷ X trước năm 938.

Từ những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, ý niệm về tính chất đặc sắc và vai trò đặc biệt của thế kỷ X trong tiến trình lịch sử Việt Nam dần được hình thành trong giới nghiên cứu. Với sự tham gia ngày càng đông đảo của các nhà nghiên cứu lịch sử địa phương, nhiều vấn đề về quốc sử đã được xem xét, nhìn nhận lại. Công trình *Lịch sử Việt Nam*, tập 1 của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971) đã có vai trò lớn trong việc xác lập nhiều quan điểm mang tính chính thống về tiến trình lịch sử Việt Nam thời kì

Ngày nhận bài: 1/12/2019. Ngày sửa bài: 17/12/2019. Ngày nhận đăng: 2/1/2020.

Tác giả liên hệ: Lê Hiến Chương. Địa chỉ e-mail: chuonglh@hnue.edu.vn

trung đại, trong đó có thế kỉ X và mốc kết thúc thời kì “Bắc thuộc”, với luận điểm: “Chiến thắng oanh liệt của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng cuối năm 938 kết thúc hoàn toàn thời kì mất nước kéo dài hơn nghìn năm. Dân tộc ta đã giành lại được quyền làm chủ đất nước. Một thời kì độc lập lâu dài của dân tộc bắt đầu” [1; tr.141].

Công trình chuyên khảo về thế kỉ X trong tiến trình lịch sử dân tộc *Thế kỉ X những vấn đề lịch sử* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984) là kết quả của sự hợp tác nghiên cứu giữa Viện Sử học và tỉnh Hà Nam Ninh (cũ) – nơi lúc đó được coi là quê hương của Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn. Đây là ấn phẩm chuyên khảo có vai trò quan trọng trong việc định hình những nhận thức mới về thế kỉ X ở Việt Nam với hàng loạt bài viết chuyên sâu về những vấn đề kinh tế - xã hội (như tầng lớp thổ hào, hào trưởng; chế độ ruộng đất; thủ công nghiệp...), chính trị - quân sự (như tính chất, chức năng của nhà nước thời Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê; xu hướng tập trung và phân tán của quốc gia; chính sách quốc phòng và binh chế...), văn hóa – tư tưởng (như văn hóa và văn minh; Phật giáo; kinh đô Hoa Lư...). Với công trình này, hai nhận thức quan trọng về thế kỉ X chính thức được xác lập và được chấp nhận rộng rãi: (i) sự kiện Khúc Thừa Dụ khởi dựng quyền tự chủ năm 905 được coi như mốc chấm dứt thời kì “Bắc thuộc”, mở đầu thời kì độc lập tự chủ, (ii) thế kỉ X được định danh là thế kỉ “bản lề” trong tiến trình lịch sử dân tộc. Có thể nhận thấy quan điểm này ngay trong lời giới thiệu sách của Văn Tạo: “Mở đầu là sự kiện Khúc Thừa Dụ lãnh đạo dân chúng nổi dậy giành lại quyền tự chủ từ tay bọn đô hộ phong kiến Trung Hoa vào năm 905, đặt nền móng cho kỉ nguyên độc lập tự chủ, cho đến sự kiện Lý Công Uẩn lên ngôi vua, gắn với việc xuất hiện kinh đô Thăng Long vào năm 1010. Thời kì lịch sử oanh liệt đó được mệnh danh là “thế kỉ X”...; “Thế kỉ X” hiện ra trong lịch sử như một thế kỉ “bản lề” nối tiếp giữa hai thời kì hoàn toàn khác biệt. Trước thế kỉ X là đêm dài tăm tối dưới ách đô hộ của phong kiến Trung Hoa hơn 1000 năm. Sau thế kỉ X là “kỉ nguyên độc lập” tự chủ lâu dài của dân tộc với nền văn minh Đại Việt huy hoàng” [2; tr.12].

Từ cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, một số vấn đề của thế kỉ X tiếp tục được giới nghiên cứu quan tâm nhưng chủ yếu dừng lại ở những nhân vật, sự kiện, hiện tượng cụ thể. Đến chuyên khảo *Việt Nam thế kỉ X những mảnh vỡ lịch sử* của Trần Trọng Dương (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019), thế kỉ X một lần nữa lại được lật xới, khảo sát như một chỉnh thể với những góc nhìn mới trên cơ sở tập hợp kiến giải về những niên đại, nhân vật, sự kiện cụ thể. Từ quan điểm, phương pháp liên ngành và lợi thế của một nhà nghiên cứu Hán Nôm, Trần Trọng Dương đã trình bày một cách hệ thống quá trình nhận thức về thế kỉ X của giới sử học Việt Nam, bên cạnh đó là những tư liệu mới, nhận thức mới về Dương Thi, về quá trình thay đổi quyền lực từ nhà Đinh sang Tiền Lê, về quê hương của Ngô Quyền... Nội dung sách “*về cơ bản là một thực hành nghiên cứu sử học với mong muốn tái lập các sự thực liên quan đến lịch sử Việt Nam ở thế kỉ X*” [3; tr.20]. Cách tiếp cận của Trần Trọng Dương dù không đầy đủ các khía cạnh, nội dung của thế kỉ X nhưng đã đưa lại những nhận thức mới, độc đáo, khác với nhiều kiến giải chính luận trước đó.

Trên cơ sở tư liệu chính sử và thành tựu của những công trình nghiên cứu đi trước, bài viết này trình bày những luận điểm về tính chất quá độ và điển hình của thế kỉ X trong tiến trình lịch sử Việt Nam dưới góc nhìn hệ hình và tương quan quyền lực giữa các vùng miền. Tính chất quá độ này biểu hiện chủ yếu ở quá trình chuyển đổi của vùng đất Giao Châu từ một vùng lãnh thổ ngoại thuộc Trung Hoa thành một quốc gia độc lập, tự chủ; từ tình trạng phân tán, cát cứ, loạn lạc sang thống nhất, tập trung, ổn định một cách tương đối; từ một chính quyền lệ thuộc mang tính sơ khai, lỏng lẻo sang một triều đình được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống. Tính điển hình của thế kỉ X thể hiện ở sự nổi lên của 2 vùng quyền lực chi phối cục diện chính trị lãnh thổ, đặc biệt là châu Ái, gắn liền với đó là quá trình vận động luân phiên giữa thống nhất và cát cứ, ổn định và loạn lạc, được thể hiện trong lịch sử Việt Nam không chỉ ở thời kì này mà còn liên tục nhiều thế kỉ sau đó.

Việc trình bày những đặc tính của thế kỉ X còn liên quan đến một vấn đề khác, đó là xác định, đánh giá về mốc mở đầu thời kì tự chủ của người Việt và mốc chính thức kết thúc thời kì “Bắc thuộc”. Trong đó sự kiện năm 905 và năm 938 sẽ được chú ý và phân tích nhiều hơn do tính chất nổi trội của nó trong tiến trình người Việt khởi động và hoàn thành chặng đầu tiên của công cuộc lập quốc trong thế kỉ X.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thời điểm mở đầu thời kì tự chủ và thời điểm kết thúc “Bắc thuộc”

Ở phương diện tiến trình lịch sử, trong thế kỉ X lần lượt có những sự kiện nổi bật về chính trị, quân sự và ngoại giao (trong mối quan hệ với triều đình phương Bắc), có vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng trên chặng đường phục hưng quốc gia dân tộc của người Việt, đó là:

Về chính trị:

- Năm 905: Khúc Thừa Dụ tự nắm lấy chính quyền, cai quản mọi việc.
- Năm 939: Ngô Quyền xưng vương, lập triều đình.
- Năm 968: Đinh Bộ Lĩnh kết thúc cục diện 12 sứ quân, lên ngôi, xưng đế.

Về quân sự:

- Năm 931: Dương Đình Nghệ chiếm thành, đánh đuổi thứ sử Giao Châu là Lý Tiến, đánh bại lực lượng cứu viện do nhà Nam Hán cử sang.
- Năm 938: Thắng lợi trên sông Bạch Đằng trước quân Nam Hán do Ngô Quyền lãnh đạo.
- Năm 981: Thắng lợi của nhà Tiền Lê trước cuộc tấn công của nhà Tống.

Về ngoại giao:

- Năm 906: Nhà Đường phong Dương Đình Nghệ chức Tiết độ sứ, Đồng bình chương sự.
- Năm 937: Nhà Tống phong Đinh Tiên Hoàng làm Giao Chỉ Quận vương.
- Năm 997: Nhà Tống phong Lê Đại Hành làm Nam Bình Vương.

Trong những sự kiện nói trên, từ đầu thế kỉ XX cho đến nhiều thập kỉ sau đó, giới sử học và giáo dục lịch sử ở Việt Nam nhìn chung đều lấy mốc năm 938 như một ranh giới phân chia rõ ràng giữa thời kì Bắc thuộc (kết thúc) và thời kì độc lập, tự chủ lâu dài (mở đầu). Niên điểm này gắn liền với một chuỗi sự kiện quan trọng: (i) thắng lợi trước cuộc tấn công của nhà Nam Hán trên sông Bạch Đằng dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền năm 938, (ii) hành động xưng vương, lên ngôi của Ngô Quyền năm 939 và (iii) việc “*đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục*” [4, tr.204] của nhà Ngô, mở đầu một triều đại chính thức và chính thống, thay thế cho tình trạng chính quyền tiết độ sứ giai đoạn 905 - 937. Trong 3 sự kiện này, thắng lợi trên sông Bạch Đằng năm 938 được coi là dấu mốc quan trọng nhất, nổi bật nhất thế kỉ X trong nhận thức lịch sử ở Việt Nam từ nhiều năm qua, thậm chí gần như được “*điển hình hóa*”, gán cho một vị trí và ý nghĩa đặc biệt, vượt lên hẳn các sự kiện khác trước và sau đó. Bên cạnh đó, lời bàn của Lê Văn Hưu về Ngô Quyền cũng đóng một vai trò quan trọng cho việc xác lập quan điểm về vị trí của năm 938 - 939 như một mốc chính thức kết thúc thời kì “Bắc thuộc”, mở đầu thời đại mới: “*Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngõ hầu đã nói lại được*” [4; tr.205]. Ngô Quyền vì vậy được coi như vị “*tổ trung hưng*” của nước Việt.

Rất khó phủ nhận tầm ảnh hưởng và ý nghĩa to lớn của những sự kiện chính trị diễn ra trong năm 938 – 939. Tuy vậy, cũng không dễ để xác định một sự kiện/mốc giới duy nhất phân chia rạch ròi giữa thời kì Bắc thuộc và thời kì độc lập, tự chủ. Về mặt hình thái, trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938 là hành động kháng chiến của người Việt, nhằm bảo vệ nền tự chủ với chính quyền tự quản đã có từ trước. Nói cách khác, trận Bạch Đằng đã bảo vệ thành quả của quá trình phục hưng quốc gia dân tộc mà các lực lượng - chính quyền trước đó đã khởi động. Bên cạnh đó, việc lựa chọn mốc 938 đã ít nhiều khiến cho những sự kiện có vị trí, vai trò quan

trọng diễn ra dưới thời chính quyền họ Khúc, họ Dương trở nên mờ nhạt trong nhận thức về tiến trình lịch sử dân tộc.

Trở lại với những sự kiện trong giai đoạn trước năm 938, từ năm 905 đến 907, *Đại Việt sử kí toàn thư* chỉ chép 3 sự kiện ngắn ngủi: Chu Toàn Dục bị bãi chức Giao Châu Tiết độ sứ, Đồng binh chương sự, Lưu Ân là Quảng Châu Tiết độ sứ được kiêm chức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, Khúc Hạo chiếm giữ châu trị, tự xưng là Tiết độ sứ. Như vậy, trong sách này cũng như trong chính sử được biên soạn ở Việt Nam từ thế kỉ XIX trở về trước, sự kiện Khúc Thừa Dụ chủ động nắm quyền, khởi dựng chính quyền riêng đã không được nói đến. Sự nghiệp của họ Khúc trong *Đại Việt sử kí toàn thư* chỉ được đề cập từ Khúc Hạo. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép cụ thể hơn căn cứ vào *Tư trị thông giám*, đó là sự kiện Khúc Thừa Dụ được trao chức Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ rồi được thăng Đồng binh chương sự năm 906. Những chức tước này là kết quả của việc trước đó “*Khúc Thừa Dụ nhân loạn mà chiếm cứ An Nam*”.

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, sự kiện năm 905 xuất hiện nhiều hơn trong các công trình sử học ở Việt Nam và từng bước được xem là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình lập quốc thế kỉ X. Đi xa hơn, sự kiện này thậm chí còn được dùng để thay thế cho năm 938 với vị trí là mốc mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài, hoặc kết thúc thời kì là quận huyện của đế quốc Trung Hoa. Trong một số trường hợp, việc phải lựa chọn giữa 2 mốc năm 905 hay 938 đã đưa đến những lập luận, ý kiến trái chiều, và gây ít nhiều băn khoăn khi nhận thức về lịch sử dân tộc giai đoạn này.

Thay vì lựa chọn một trong hai mốc năm 905 hay 938, sự tiếp cận phù hợp ở đây không có gì khác hơn là đặt hai sự kiện này ở đúng vị trí của nó trong tiến trình cụ thể của thời kì phục hưng quốc gia dân tộc ở những thập kỉ đầu tiên của thế kỉ X. Sự kiện Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ, tự quản lý mọi việc trên địa bàn Giao Châu từ năm 905, rồi sau đó tiếp tục được con và cháu là Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ kế thừa trong hơn 20 năm sau đó, là mốc mở đầu thời kì tự chủ, mở đầu quá trình lập quốc, hoặc quá trình phục hưng độc lập dân tộc của người Việt ở thế kỉ X. Tuy vậy ở giai đoạn này tính chất tự chủ hoặc tự trị vẫn là cơ bản, yếu tố độc lập chưa thực sự rõ ràng, và năm 905 cũng chưa thể coi là mốc kết thúc thời kì bị đô hộ bởi Trung Hoa, ít nhất là về mặt hình thức. Đến năm 938 - 939, chuỗi sự kiện chống ngoại xâm, xưng vương, lập triều đình với vai trò của Ngô Quyền đã chính thức chấm dứt thời kì là một bộ phận lãnh thổ hành chính lệ thuộc Trung Hoa, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài, dù nền độc lập, tự chủ này vẫn còn mong manh cho đến cuối thế kỉ X. Trong đó, xét kĩ chuỗi sự kiện nói trên, vốn liên quan chặt chẽ với nhau, có thể thấy hành động xưng vương của Ngô Quyền năm 939 đóng vai trò là cái đỉnh chót về quốc thống và vị thế độc lập của quốc gia. Nếu không có sự kiện này, ý nghĩa của hoạt động chống ngoại xâm trước đó và việc thiết lập bộ máy chính quyền sau đó chắc chắn sẽ suy giảm nhiều, và rất có thể trận Bạch Đằng năm 938 cũng chỉ được giới sử học nhìn nhận với vị trí không có gì nổi bật cho lắm, giống như thắng lợi của Dương Đình Nghệ trước quân Nam Hán năm 931.

2.2. Tính quá độ của thế kỉ X

Trong nhận thức về tiến trình lịch sử Việt Nam, thế kỉ X được định danh là thế kỉ “bản lề”. Khái niệm này nhấn mạnh về vị trí chuyển tiếp, trung gian của thế kỉ X giữa hai thời kì “Bắc thuộc” và thời kì độc lập, tự chủ dưới chế độ phong kiến dân tộc từ thời Lý về sau. Ở khía cạnh tính chất, đặc điểm, yếu tố nổi bật của thế kỉ X là sự “quá độ”, thể hiện trên 3 phương diện chủ yếu sau:

Ở phương diện nhà nước – dân tộc và độc lập - tự chủ, thế kỉ X chứng kiến quá trình chuyển đổi của vùng đất Giao Châu từ một vùng lãnh thổ ngoại thuộc Trung Hoa thành một quốc gia độc lập, tự chủ. Đây là thay đổi có tính chất cơ bản nhất, bao trùm nhất. Sự phục hưng của nước Việt đầu thế kỉ X là kết quả tất yếu trong một giai đoạn hội tụ đủ những điều kiện lí tưởng nhất cho sự lí khai của các khu vực ngoại vi đế quốc Trung Hoa: (i) chính quyền trung

ương nhà Đường suy yếu kéo theo sự phân mảnh của những vùng đất ngoại biên (ii) thế lực hào trưởng, thủ lĩnh địa phương đủ mạnh và (iii) sự thay đổi mô hình quản trị đế quốc của nhà Tống sau đó đã khiến việc thu phục lại những vùng đất ngoài xa trung tâm trở nên khó khăn, dù đến tận thế kỉ XV, nhà Minh vẫn chưa chịu từ bỏ ý định “lấy lại” Giao Chỉ, vùng đất mà qua nhiều triều đại, chính quyền Trung Hoa vẫn cho vốn là của “bản triều”. Quá trình chuyển đổi từ quận huyện bị chiếm trị bởi Trung Hoa sang một quốc gia độc lập, tự chủ của người Việt về cơ bản diễn ra trong khoảng hơn 3 thập kỉ, từ năm 905 khi Khúc Thừa Dụ khởi dựng tự chủ và kết thúc vào năm 939, với việc Ngô Quyền xưng vương, thiết lập triều đình chính thức. Nhưng nếu xét kĩ hơn, có thể thấy sự thay đổi tiệm tiến qua từng giai đoạn diễn ra trong suốt thế kỉ X. Từ năm 905 đến 938 là giai đoạn tự chủ bước đầu, chủ yếu biểu hiện qua việc có tiết độ sứ là hào trưởng bản địa, tự xưng, tự lập, tự quản lí mọi việc trong lãnh thổ. Từ năm 939 về sau là thời kì độc lập, tự chủ thực sự, biểu hiện qua việc có vua, triều đình, quốc hiệu. Tuy vậy, ở nhiều khía cạnh, vị thế độc lập và tự chủ này vẫn còn chưa thực sự vững chắc, người Việt vẫn phải liên tục bảo vệ và khẳng định vị thế đó qua các cuộc đấu tranh ngoại giao và kháng chiến chống ngoại xâm từ phương Bắc. Phải đến thời Lý, đặc biệt là từ sau sự kiện chính thức định đô ở Thăng Long, nền độc lập, tự chủ của nước Việt mới thực sự vững chắc, cả trong mối quan hệ với chính quyền Trung Hoa và các nước lân bang cũng như trên phương diện quy mô và sức mạnh nhà nước.

Trên bình diện quốc gia - dân tộc, thế kỉ X còn chứng kiến một yếu tố quá độ khác, đó là *quá trình chuyển từ tình trạng phân tán, cát cứ, loạn lạc sang thống nhất, tập trung, ổn định một cách tương đối*. Trong quá trình quản lí Giao Chỉ và nhiều vùng biên viễn khác, các triều đại phương Bắc ít nhiều đều thi hành chính sách dung dưỡng tầng lớp hào trưởng, lệnh tộc bản địa. Chính tầng lớp đầu lĩnh này là bộ phận dẫn dắt công cuộc giành độc lập, tự chủ ở các khu vực ngoại vi khi đế quốc tan rã, suy yếu, nhưng đồng thời cũng là bộ phận gây nên tình trạng phân liệt cát cứ trong nội bộ vương quốc sau khi độc lập. Những biểu hiện về tình trạng sứ quân ở khu vực châu thổ sông Hồng đã bộc lộ ngay từ sau khi Ngô Quyền mất, qua những dòng sử ngắn ngủi chép về việc Phạm Lệnh Công ở Trà Hương che chở cho Ngô Xương Ngập, về việc hai sứ họ Dương, họ Đỗ đem quân đi đánh hai thôn Đường Nguyễn ở Thái Bình, về việc “*người động Hoa Lư là Đinh Bộ Lĩnh cày núi khe hiểm cố, không chịu giữ chức phận làm tôi*” [4; tr.207]. Sự phân liệt này không chỉ biểu hiện ở việc có nhiều thủ lĩnh địa phương “làm phản” mà còn ngay trong nội bộ triều đình Hậu Ngô với cục diện hai vua và sự hiềm khích giữa hai anh em họ Ngô. Diễn hình của cục diện phân tán, cát cứ, loạn lạc là tình trạng “loạn 12 sứ quân”, mà người có công lập lại thống nhất cũng chính là một trong những thế lực đầu tiên “*không giữ chức phận làm tôi*”. Dù sao đi nữa, thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh trước các sứ quân đồng thời cũng là thắng lợi của xu thế và nhu cầu thống nhất quốc gia trước sự phân tán quyền lực vốn là sản phẩm tất yếu ở thời kì lập quốc.

Tình trạng cát cứ trên thực tế diễn ra gần như liên tục trong suốt thế kỉ X. Thống kê sơ bộ của tác giả từ *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho thấy thời Ngô – Đinh – Tiền Lê có 21 vụ “làm phản” khắp cả nước, với tần suất trung bình khoảng 3 năm 1 vụ, đến thời Lý có 28 vụ, với tần suất trung bình khoảng 7 – 8 năm 1 vụ, chủ yếu diễn ra ở giai đoạn đầu và vùng xa xôi biên viễn. Có thể thấy một sự thật là trong thế kỉ X, dù được sự ủng hộ của nhân dân, nhưng các chính quyền trung ương thời kì này bên cạnh công cuộc giành và giữ độc lập dân tộc vẫn phải tốn rất nhiều thời gian, công sức cho việc thống nhất quốc gia, cụ thể hơn là dẹp loạn. Cục diện thống nhất, tập trung và ổn định về mặt chính trị - xã hội ở khu vực châu thổ sông Hồng nhìn chung chỉ thực sự được định hình rõ nét từ sau khi nhà Lý thành lập. Thế kỉ X vì vậy chứng kiến quá trình kép của sự xác lập hai yếu tố có mối quan hệ tương hỗ: độc lập dân tộc và thống nhất lãnh thổ.

Yếu tố thứ ba biểu hiện rõ tính chất “quá độ” của thế kỉ X là *quá trình chuyển biến từ một chính quyền lệ thuộc mang tính sơ khai, lỏng lẻo sang một triều đình được tổ chức chặt chẽ, có hệ thống*. Tư liệu về bộ máy chính quyền họ Khúc, họ Dương không nhiều, ngoài ghi chép về

một vài hoạt động đối nội như đối lương làm giáp, nắm việc đánh thuế của Khúc Hạo, đánh dẹp trong nước dưới thời Dương Tam Kha. Đến thời Ngô, sau khi Ngô Quyền xưng vương, việc xây dựng triều đình – chính quyền nhà nước mới thực sự được triển khai. Đến thời Đinh, bộ máy nhà nước tiếp tục có sự phát triển cao hơn, hoàn thiện và đầy đủ hơn, có thể thấy điều đó qua sự tổng kết ngắn gọn của Lê Văn Hưu về sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh: “*Mở nước, dựng đô, đối xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập 6 quân, chế độ gần đầy đủ*” [4; tr.211]. Dưới thời Tiền Lê, bộ máy hành chính các cấp tiếp tục được củng cố với việc đổi 10 đạo thành phủ, lộ, châu. Tuy vậy những biến động liên tục về mặt chính trị đã khiến cho nhà nước thời Ngô – Đinh – Tiền Lê vẫn trong tình trạng khá sơ sài cả về cấu trúc lẫn quy mô trong so sánh với các triều đại sau đó. Theo miêu tả của sử giả nhà Tống đến Hoa Lư năm 988, hoàng thành của nhà Tiền Lê chủ yếu là những túp lều bằng tre lợp tranh, pháp đình chỉ là ngôi nhà nhỏ tồi tàn lụp xụp. Quá trình khởi dựng của bộ máy quyền lực quốc gia còn gắn liền với một chính sách cai trị ít nhiều thể hiện tính ác nghiệt và tùy tiện. Lê Hoàn là một trong những biểu tượng điển hình của các bậc quân vương trong việc trị nước thế kỉ X với những việc như đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ trong cũi để dọa bề tôi, đối với tả hữu, khi phạt ý thì đánh roi, truat làm gác cổng, khi nguôi giận lại gọi về phục chức... Những biểu hiện này cho thấy các vị quân vương thời kì này có vẻ như vẫn chưa biết cách nào để vận hành bộ máy một cách hiệu quả lâu dài, thay vào đó, họ dùng hình phạt và tập quán pháp là chủ yếu. Tính ác nghiệt và tùy tiện này được đẩy lên đến mức cao nhất dưới thời Lê Long Đinh. Phải đến đời Lý, hình thái của một nhà nước quân chủ chuyên nghiệp mới thực sự hình thành, với sự đầy đủ của hệ thống cơ quan, chức quan, luật pháp và bộ máy hành chính địa phương, gắn liền với Phật giáo và các nhà sư – lực lượng có đóng góp lớn trong việc làm mềm hóa quan hệ triều đình - bách tính, nâng cao lòng nhân và trình độ học vấn của đội ngũ vua quan.

2.3. Tính điển hình của thế kỉ X

Bên cạnh tính chất quá độ, có thể thấy một đặc điểm khác của thế kỉ X là tính điển hình, khi có thể tìm thấy trong thời kì này nhiều yếu tố nổi bật về cục diện chính trị trong lịch sử quân chủ Việt Nam những thế kỉ sau đó. Nói cách khác, nhiều đặc tính của lịch sử Việt Nam thời kì trung đại đã được nén (compress) lại ở thế kỉ X, những diễn biến chính trị về sau chỉ là sự “giải nén” (decompression) của thời kì này mà ra. Những yếu tố này thể hiện trên 2 khía cạnh nổi bật:

Thế kỉ X chứng kiến sự nổi lên của 2 vùng quyền lực chi phối cục diện chính trị trong nước là châu thổ sông Hồng và châu Ái (với vùng lõi là lưu vực sông Mã), trong đó châu Ái chiếm ưu thế rõ rệt với vị trí là vùng đất xuất thân của phần lớn thủ lĩnh có thế lực lớn nhất. Trong 5 chính quyền từ họ Khúc đến nhà Tiền Lê, trừ họ Khúc (vùng Hải Dương) có thể coi là đại diện cho vùng châu thổ sông Hồng, các thế lực còn lại đều xuất phát từ châu Ái hoặc được cho là gốc châu Ái. Trong đó họ Dương và Đinh gần như không có tranh cãi về nguồn gốc. Hai thủ lĩnh sáng lập nhà Ngô (thường được cho là gốc gác ở vùng Sơn Tây) và nhà Tiền Lê (có thuyết cho là quê ở Hà Nam ngày nay) đã được nhiều nhà nghiên cứu chứng minh là từ châu Ái. Và dù có thể không đồng ý với cách phân biệt nguồn gốc mang nặng tính địa phương vùng miền này, vẫn phải thấy rằng trong sự nghiệp gây dựng và bảo vệ nền độc lập ở thế kỉ X, châu Ái đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Chưa kể đến những đóng góp khác, như việc Ngô Quyền mang quân từ châu Ái ra Bắc diệt nội phản, chống ngoại xâm năm 938, hay sự tồn tại trong 6 năm của chính quyền Dương Tam Kha gốc châu Ái sau thời Tiền Ngô Vương, mà *Đại Việt sử kí toàn thư* chép vào phần “Kì nhà Ngô”. Nếu công bằng hơn, phải đặt vương triều này một cách ngang hàng với các chính quyền ngay trước và sau nó, để thành một chuỗi đầy đủ, công bằng về thể thứ các chính quyền nước Việt thế kỉ X: Khúc, Dương, Ngô, Dương, Đinh, Tiền Lê.

Gắn liền với sự nổi lên của hai vùng quyền lực châu thổ sông Hồng và châu Ái là một vài sự kiện ít nhiều cho thấy sự tranh chấp quyền bính và thoán đoạt lẫn nhau giữa các thế lực của hai khu vực này. Biểu hiện qua những sự biến trong chính quyền liên quan đến việc Dương

Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết hại, dẫn đến sự xuất hiện của Ngô Quyền, vốn đang là nha tướng cai quản châu Ái; việc Dương Tam Kha là một người châu Ái cướp ngôi của họ Ngô; việc Lê Hoàn, một tướng người châu Ái, được lập làm vua sau cái chết đầy tức tưởi và nghi vấn của Đinh Tiên Hoàng... Trong công trình *A history of the Vietnamese*, Keith Weller Taylor cũng đã nhận xét: “Việc Dương Đình Nghệ tập hợp lực lượng của vùng đất phía nam (vùng đồng bằng sông Cả và sông Mã) là chỉ dấu đầu tiên sau chiến tranh Nam Chiếu cho thấy những khu vực này đã chuẩn bị cho việc tái khởi động cuộc đua nhằm kiểm soát đồng bằng Sông Hồng” [5; tr.45].

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIX, trong lịch sử Việt Nam, cục diện 2 vùng quyền lực và ưu thế của vùng châu Ái tiếp tục được lặp lại. Ở vùng trung châu sông Hồng, nhà Lý, Trần (từ thế kỉ XI đến cuối XIV) và nhà Mạc (thế kỉ XVI) là đại diện. Trong khi đó, vùng châu Ái nắm giữ quyền lực với nhà Hồ, Lê, Trịnh, Nguyễn, chiếm trọn vũ đài chính trị Đại Việt gần như hầu hết thời gian từ cuối thế kỉ XIV trở về sau. Cũng từ góc độ nguồn gốc các thế lực, dòng họ nắm quyền trong buổi đầu lập quốc, thế kỉ X còn chứng kiến quá trình tham gia và hoán đổi quyền lực của những dòng họ gốc phương Bắc và dòng họ bản địa. Trong đó họ Khúc, lực lượng mở đầu thời kì tự chủ, có nguồn gốc từ phương Bắc, sang Giao Châu từ khoảng giữa thế kỉ VIII với cụ tổ là Khúc Hoàn (có sách chép là Khúc Lãm), giữ chức Kinh lược sứ, lập dinh thự ở đất Hồng Châu [6; tr.28].

Cùng với sự xuất hiện và cạnh tranh của các thế lực, dòng họ, thế kỉ X còn chứng kiến *quá trình vận động luân phiên giữa thống nhất và cát cứ, ổn định và loạn lạc*. Họ Khúc nắm quyền, giữ ổn định khoảng thời gian từ năm 905 đến 930. Đây cũng có thể coi là giai đoạn yên bình lâu dài nhất trong thế kỉ X. Từ năm 930 đến 938, trên địa bàn Giao Châu có nhiều biến cố lớn. Mở đầu với việc Khúc Thừa Mỹ bị nhà Nam Hán đánh bại, sau đó là tình trạng mâu thuẫn, xung đột và các cuộc đọ đũa giữa Dương Đình Nghệ với các tướng lĩnh do nhà Nam Hán cử sang như Lý Tiến, Lý Khắc Chính, Trần Bảo. Vào cuối giai đoạn nhiều biến động này là chuỗi sự kiện Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ năm 937, Ngô Quyền tiêu diệt Kiều Công Tiễn và trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938. Sau thời điểm này, với sự thành lập của nhà Ngô, tình hình ổn định trở lại, nhưng cũng không kéo dài. Từ năm 944, với sự kiện Dương Tam Kha tiếm vị ngôi vương của nhà Ngô, tình trạng cát cứ lại tiếp diễn dẫn đến cục diện các sứ quân. Dù vậy, “kiểm tra qua thần tích, truyền thuyết, cho đến nay, tuyệt nhiên chưa hề gặp một chi tiết nào nói đến chuyện đánh lẫn nhau trong số 12 sứ quân” [3; tr.196]. Đến năm 968, với thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập của nhà Đinh, Đại Cồ Việt bước vào một thập kỉ tương đối bình lặng về chính trị. Nhưng rất có thể sự bình lặng này chỉ là về bên ngoài của một chính quyền còn đầy rẫy mâu thuẫn ngầm ngấm giữa các cá nhân và các thế lực khác nhau, chỉ chờ dịp là bùng phát. Đến năm 979, với sự biến Đỗ Thích giết Đinh Tiên Hoàng, tình trạng bất ổn lại tái diễn. Những năm sau đó, dù không còn nhiều thế lực xung hùng xưng bá như trước, nhưng trong nội bộ triều đình liên tục có những sự biến lớn, đặc biệt là trước khi Lê Hoàn lên ngôi. Trong giai đoạn dưới triều vua Lê Đại Hành (980 - 1005), dù đất nước thống nhất, không có nhiều xung đột trong nội bộ triều chính, nhưng tình hình chính trị vẫn thường xuyên ở trong tình trạng căng thẳng, đặc biệt là cuộc chiến tranh với nhà Tống, với Chăm Pa và hàng loạt lần xuất binh của quân đội triều đình đi đánh dẹp ở các địa phương. Tình trạng này tiếp tục kéo dài dưới thời Lê Long Đĩnh (1005 - 1009).

Xét ở góc độ chiều hướng, diễn tiến lịch sử, có thể coi thế kỉ X là thế kỉ của biến đổi và biến động. Và có vẻ như chu kì trời sục giữa chia cắt – thống nhất, loạn lạc - ổn định, chiến tranh – hòa bình ở thời kì này, bằng những cách thức khác nhau và với chu kì khác nhau, lại tiếp tục được tái diễn trong lịch sử Việt Nam liên tục đến nhiều thế kỉ sau. Mà con số 9 vương triều – chính quyền hưng - phế, sinh - diệt trong khoảng 900 năm, từ thế kỉ XI đến XIX, đã ít nhiều phản ánh thực trạng đó. Chưa kể đến số lượng các cuộc chiến tranh với bên ngoài, các cuộc nội chiến, xung đột và chia cắt.

3. Kết luận

Trong khoảng 100 năm, với ít nhất 5 chính quyền và hàng loạt biến cố, xung đột, chuyển đổi, thế kỉ X hiện ra như một bản đạo đầu dồn dập cung bậc trong lịch sử chính trị Việt Nam. Rốt cuộc, sau nhiều nỗ lực thất bại trong sự nghiệp giành độc lập, tự chủ ở những thế kỉ trước đó, người Việt đã từng bước khởi dựng thành công quốc gia độc lập mà không cần đến các cuộc khởi nghĩa như tiền lệ. Trong quá trình đó, từ xuất phát điểm là vùng lãnh thổ lệ thuộc đế quốc Trung Hoa, các thủ lĩnh và tầng lớp thủ lĩnh người Việt đã từng bước xác lập vững chắc quyền lực, vị thế của mình trên cả hai phương diện đối nội, đối ngoại bằng một cách thức quản trị quốc gia chuyển dần từ bột phát và lúng túng sang một mô thức chuyên nghiệp hơn. Những bước đi đầu tiên của chặng đường phục hưng quốc thống trong thế kỉ X vừa là những bước quá độ từ vị trí quận huyện bị chiếm trị bởi Trung Hoa sang một nhà nước - quốc gia chính thức, đồng thời vừa mang những chỉ dấu báo trước diễn trình lịch sử chính trị tiếp theo của Đại Việt - một quốc gia ra đời thế kỉ X và hình thành luôn những đặc điểm chi phối nội tình đến gần 10 thế kỉ sau đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1971. *Lịch sử Việt Nam*, tập 1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1984. *Thế kỉ X những vấn đề lịch sử*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Trần Trọng Dương, 2019. *Việt Nam thế kỉ X những mảnh vỡ lịch sử*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê, 1998. *Đại Việt sử kí toàn thư*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Keith Weller Taylor, 2013. *A history of the Vietnamese*. Cambridge University Press, New York.
- [6] Hội đồng gia tộc họ Khúc Việt Nam, 2015. *Tư liệu lịch sử họ Khúc Việt Nam (thời đại Hồng Châu)*. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

ABSTRACT

The 10th century in Vietnam history: a transitional and typical epoch

Le Hien Chuong

Faculty of History, Hanoi National University of Education

In Vietnam history, the 10th century witnessed the end of the "Northern domination" period and began the era of long-lasting independence. This process was the result of many intertwining factors, including the weakening of the Tang dynasty, leading to the rise of suburban dependent lands led by local chiefs. Based on a review of a series of political-military events, the article attempts to outline a new picture of the 10th century and its place in the course of Vietnam history. The main frame of the picture is the beginning of the autonomy period and the end of "Northern domination". Within that time frame, highlighting and analyzing the alleged "transits" and "hinges" of the 10th century. On the other hand, a careful reflection of the political developments of this period also shows that Vietnam's history from the 11th century to the middle of the 19th century is the "decompression" of elements and characteristics, that have been shaped since the 10th century.

Keywords: The 10th century, Northern domination, transition, independence.